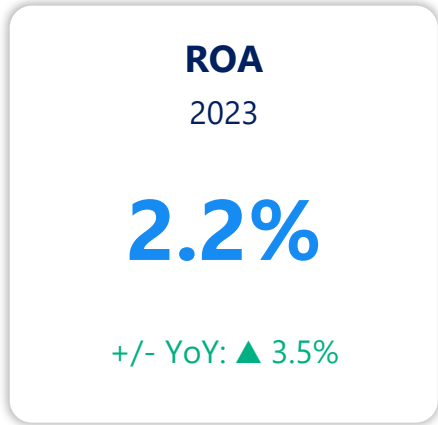
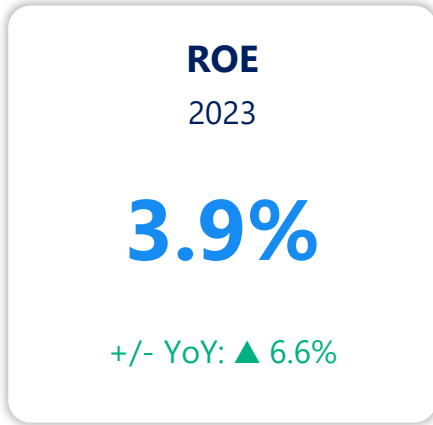
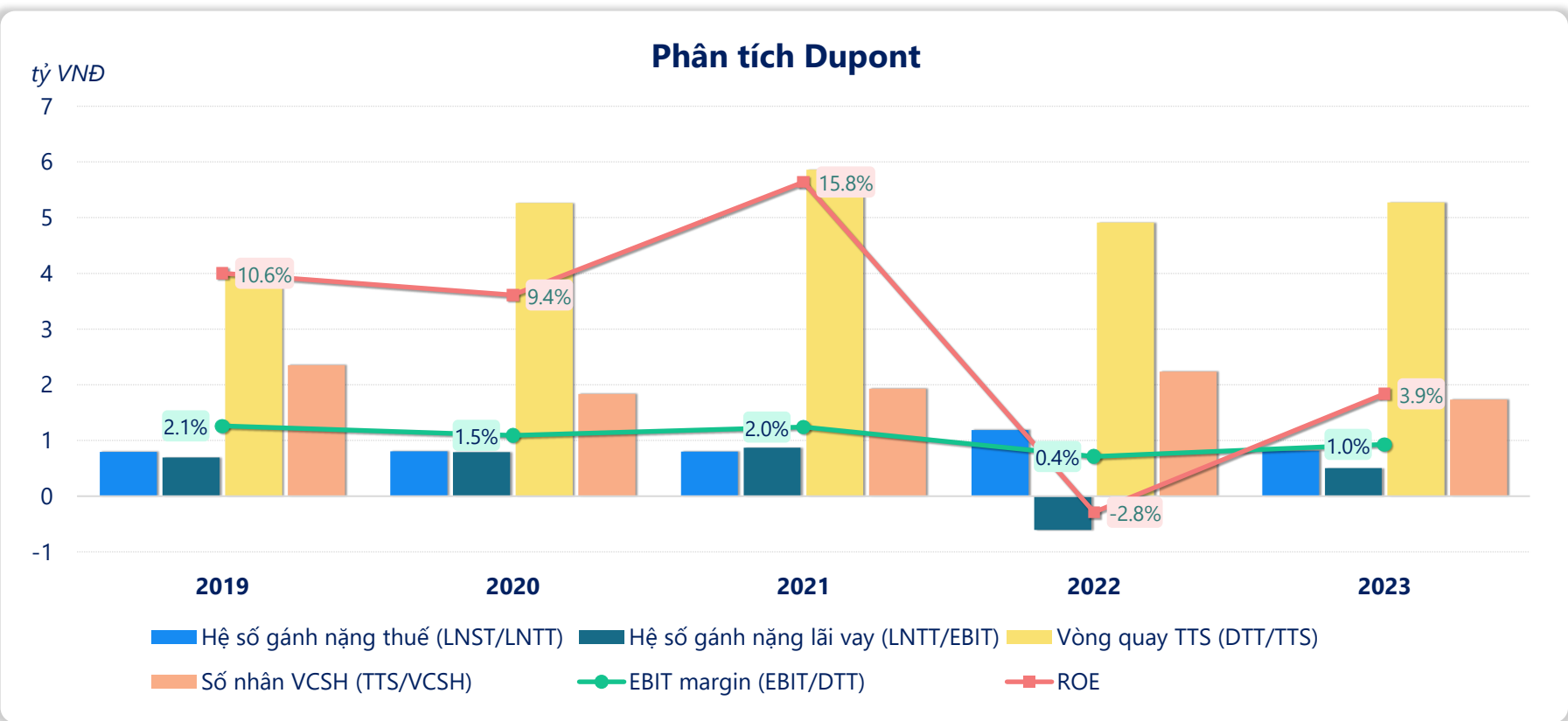
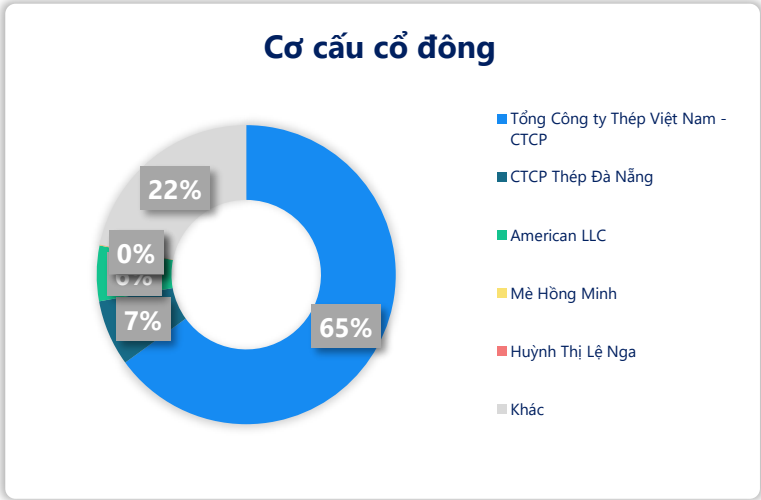


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

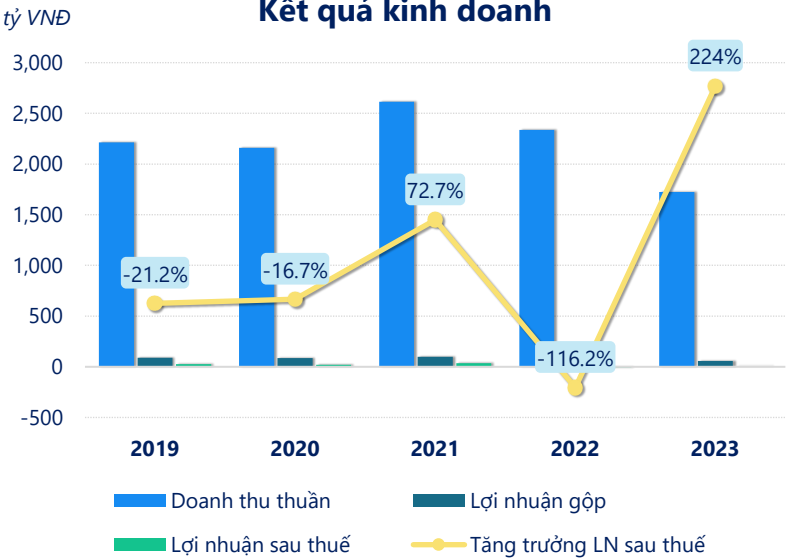
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		8,650
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		8,500 - 11,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		131
Số lượng CPLH (CP)		15,187,322
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,420
Sở hữu nước ngoài		0.6%
Beta		0.26
EPS		469
P/E		18.5

	YTD	1T	3T	6T
VCA	-24.1%	-0.6%	-5.4%	-11.7%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)

Kết quả kinh doanh

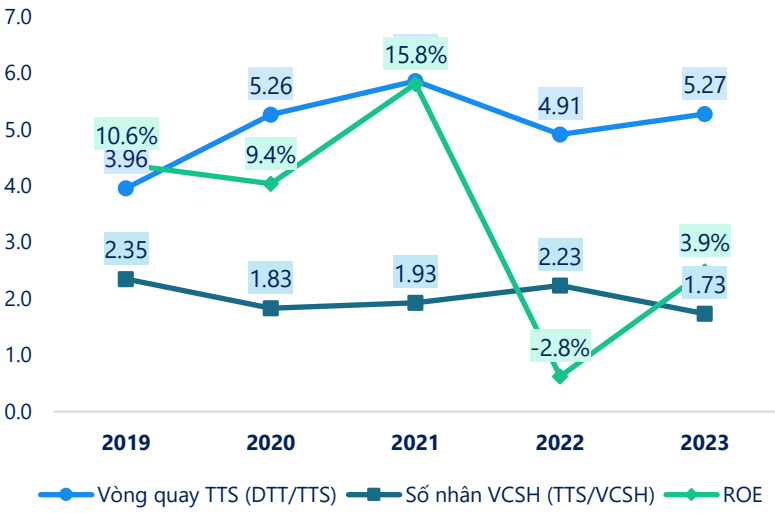


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **1.03%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.82**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.50**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

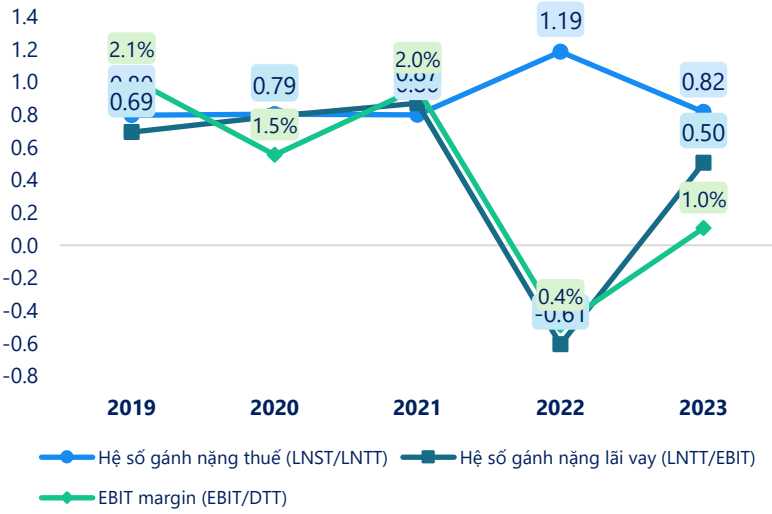
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **VCA** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 26.1%** chỉ còn **1,725** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 224%** đạt **7.29** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

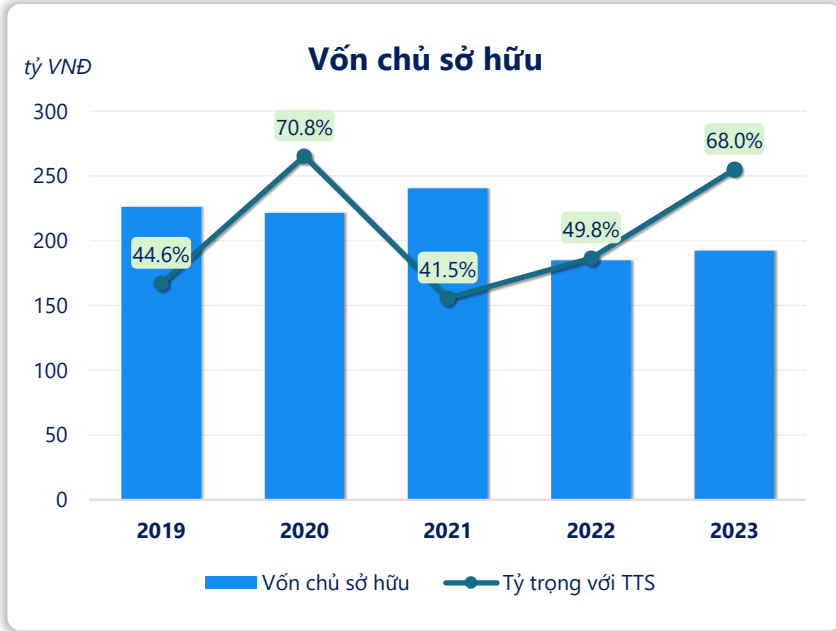
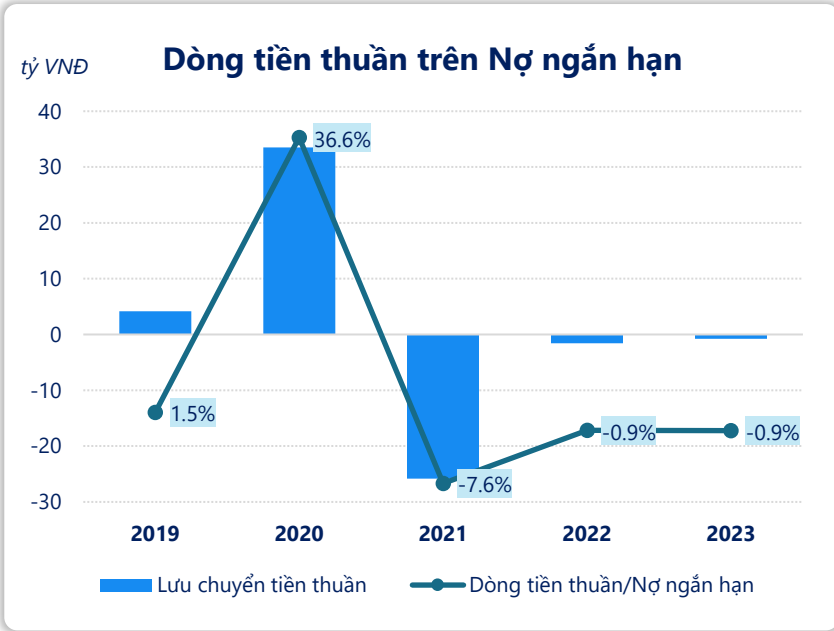
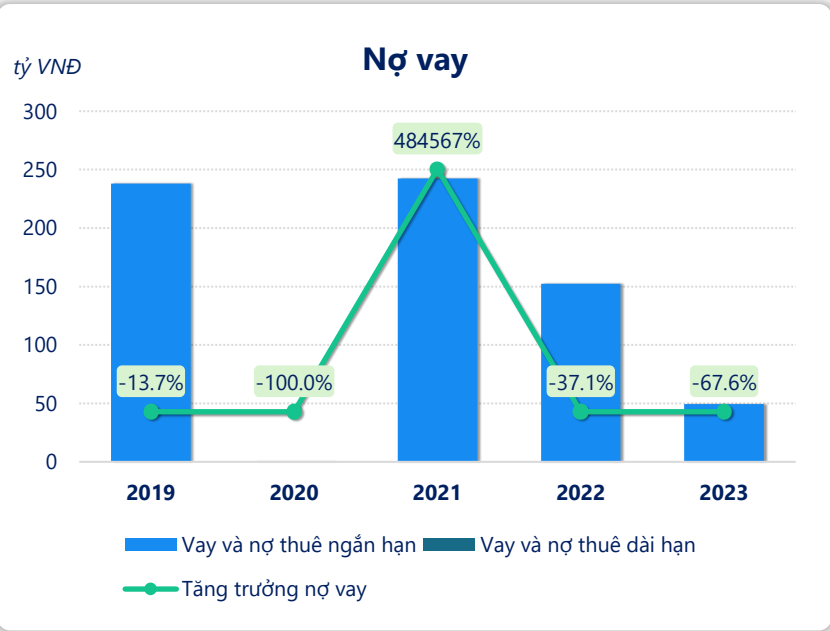
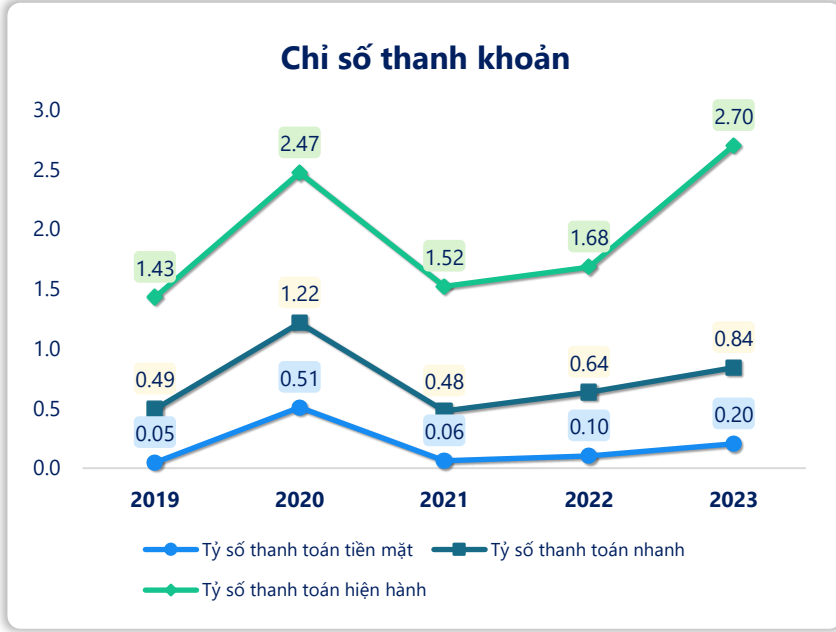
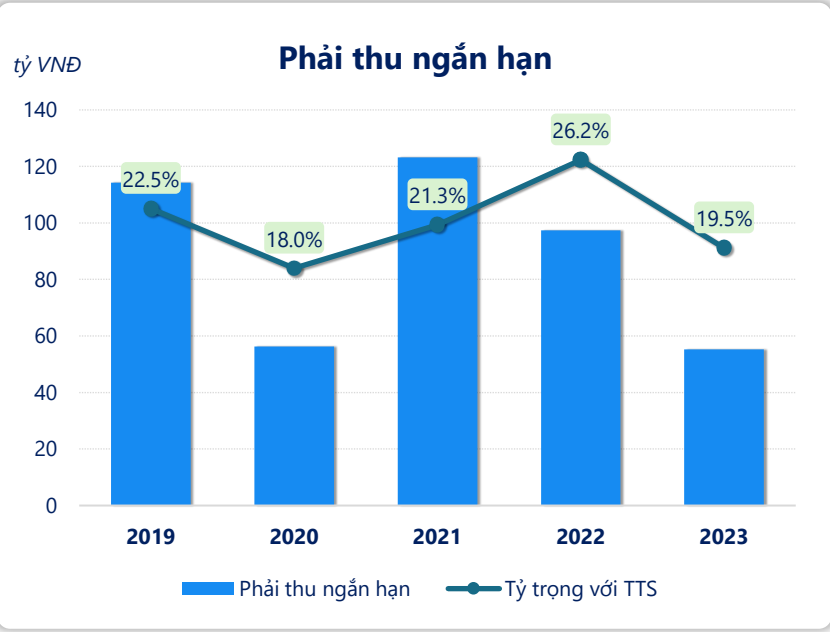


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **5.27**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.73** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Thép Vicasa - VNSTEEL (HSX: VCA)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	283	371	-23.9%
Tài sản ngắn hạn	244	314	-22.2%
Tiền và tương đương tiền	18.4	19.2	-4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	55.2	97.4	-43.3%
Hàng tồn kho	168	196	-14.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.54	1.95	30.2%
Tài sản dài hạn	38.3	57.3	-33.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	28.1	42.2	-33.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.58	0.58	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.66	14.5	-33.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	90.6	187	-51.4%
Nợ ngắn hạn	90.6	187	-51.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.3	152	-67.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.97	3.09	93.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	192	185	3.9%
Vốn chủ sở hữu	192	185	3.9%
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,214	2,159	2,613	2,335	1,725
Giá vốn hàng bán	2,125	2,074	2,516	2,302	1,669
Lợi nhuận gộp	89.5	85.7	97.4	33.3	56.4
Doanh thu HĐTC	0.31	1.21	0.47	1.02	0.23
Chi phí TC	14.2	7.68	7.22	13.4	8.90
Chi phí lãi vay	14.0	6.96	6.82	13.2	8.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.8	21.0	14.9	17.8	14.4
Chi phí QLDN	22.1	32.5	30.2	7.49	24.5
LN thuần từ HĐKD	31.7	25.7	45.6	-4.39	8.85
Lợi nhuận khác	0.04	0.57	-0.06	-0.58	0.09
LN trước thuế	31.8	26.2	45.5	-4.98	8.94
Lợi nhuận sau thuế	25.3	21.1	36.4	-5.90	7.29
LNST của CĐ cty mẹ	25.3	21.1	36.4	-5.90	7.29

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	123	302	-248	140	103
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-35.4	-7.46	-4.20	-6.46	-0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-83.4	-261	227	-135	-103
Tiền đầu kỳ	8.87	13.1	46.6	20.8	19.2
Lưu chuyển tiền thuần	4.15	33.5	-25.8	-1.59	-0.79
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0.00	0.00	-0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	13.1	46.6	20.8	19.2	18.4